

1. Thực trạng xu hướng chuyển dịch thời gian qua

Từ năm 1986 công nghiệp TP.HCM đã dần được đổi mới, cùng với sự đổi mới của nền kinh tế TP.HCM và cả nước, công nghiệp TP.HCM đã trở thành ngành sản xuất hàng hóa chủ đạo, trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần và đã đạt được những thành tựu đáng kể.

Thứ nhất: Ngành công nghiệp ở TP.HCM từ chỗ là ngành công nghiệp phục vụ chủ yếu cho tiêu dùng tại chỗ và phục vụ cho chiến tranh đã chuyển sang hướng phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng của nhân dân lao động trên địa bàn TP.HCM, Nam bộ và cả nước.

việc cân đối tiền hàng, tạo tiền đề, điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật, kim chế lam phát, tạo ra lực hấp dẫn thu hút tư bản đầu tư nước ngoài.

Sản phẩm hàng hóa công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của TP.HCM góp phần cung ứng cho các yêu cầu của sản xuất và tiêu dùng trên địa bàn và trong cả nước, gián tiếp kích thích các lĩnh vực khác phát triển, góp phần ổn định an ninh kinh tế - chính trị - xã hội.

Trong điều kiện đất nước đang thiếu ngoại tệ đầu tư cho các chương trình công nghiệp hóa nền kinh tế quốc dân thì một khối lượng lớn hàng hóa tiêu dùng trong nước do công nghiệp

xuất cho xuất khẩu, thích ứng được với cơ chế thị trường, và có tác động nhất định đến quá trình sản xuất chung của thành phố, đến các ngành kinh tế quốc dân trong khu vực và quá trình phát triển nông nghiệp, công nghiệp hóa nông thôn, đô thị hóa ở TP.HCM, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và cả vùng Nam bộ.

Thứ bảy: Ngành công nghiệp mới điện tử, tin học, tăng trưởng khá nhanh. Nhiều năng lực sản xuất mới được đưa vào sản xuất như chất tạo bọt (DBSA) nhiều dây chuyền may mặc, làm giày được lắp đặt, công nghiệp cơ khí làm khuôn mẫu, máy xát trắng gạo, đồ gia dụng... Một số loại vải, hàng điện tử v.v... đã cạnh tranh được trên thị trường vì chất lượng khá tốt công nghệ và thiết bị đã được đổi mới một phần. Nhiều doanh nghiệp có doanh thu và nộp ngân sách khá cao như: Liên hiệp xí nghiệp Bida Sài Gòn, Liên hiệp xí nghiệp Thuốc lá.

Doanh nghiệp nhà nước giảm số lượng nhưng tăng khả năng kinh doanh, doanh nghiệp ngoài quốc doanh tăng nhanh về số lượng và hình thành một số doanh nghiệp, đơn vị kinh doanh lớn, hoạt động ở nhiều ngành, chứng tỏ chủ trương nền kinh tế nhiều thành phần của Đảng ta đã trở thành hiện thực.

Một số doanh nghiệp nhà nước làm ăn có lãi, một số doanh nghiệp khác làm ăn thua lỗ đã chịu phá sản hoặc chuyển sang hình thức cổ phần. Các đơn vị sử dụng nhiều lao động tiếp tục mở rộng, tạo việc làm cho người lao động. Đội ngũ doanh nhân, cán bộ quản lý và công nhân ngày càng đông và trưởng thành trong cơ chế mới.

Sự biến đổi của cơ cấu sở hữu và cơ cấu thành phần kinh tế đã kéo theo sự biến đổi cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh, nhất là từ khi có luật đầu tư nước ngoài và luật công ty.

Đầu tư trong nước phối hợp với đầu tư nước ngoài đúng hướng đã khai thác được bộ phận tiềm năng quan trọng và quan hệ sản xuất đã ngày càng phù hợp hơn về tính chất và trình độ với lực lượng sản xuất trên địa bàn TP.HCM.

Tuy nhiên công nghiệp TP.HCM bên cạnh những thành tựu nêu trên, vẫn không tránh khỏi những tồn tại yếu kém chưa được khắc phục qua 25 năm sau giải phóng và 14 năm đổi mới.

Thứ nhất: Nhịp độ tăng trưởng của công nghiệp thành phố tuy cao, nhưng chưa có cơ sở chắc chắn. Mức tăng trưởng cao nhất vào thời kỳ 1990-1995 bình quân mỗi năm tăng 14%. Nhưng mức tăng trưởng 5 năm nay đã giảm xuống năm sau thấp hơn năm trước: 119,1% (1995), 117,7% (1996), 113,5% (1997), 112,5% (1998) và 110,2% năm 1999. Bình quân 5 năm 1996-2000 dự kiến đạt 13%.

CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU

KINH TẾ NGÀNH

TRONG CÔNG NGHIỆP Ở TP.HCM

THỰC TRẠNG, XU HƯỚNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

Thạc sĩ TRẦN VĂN NHƯNG

Thứ hai: Từ một ngành công nghiệp phụ thuộc nặng nề vào nước ngoài (chủ yếu là Pháp và Mỹ) đã trở thành ngành công nghiệp phát huy được nội lực, lợi thế so sánh của mình và có quan hệ rộng rãi với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới.

Thứ ba: Từ một nền công nghiệp đơn thành phần (chủ yếu là quốc doanh) thời kỳ 1975-1985, trở thành một nền công nghiệp nhiều thành phần, cả công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp đều phát triển, trong đó khu vực đầu tư của tư bản nước ngoài đang ngày càng có tỉ trọng và mức tăng trưởng cao.

Thứ tư: Nhiều ngành công nghiệp của TP.HCM chiếm tỉ trọng lớn trong công nghiệp cả nước đã vươn ra thị trường cả nước và thị trường khu vực, một số sản phẩm đã có chỗ đứng và thị phần đáng kể trên thị trường thế giới.

Thứ năm: Công nghiệp TP.HCM đóng góp cho ngân sách ngày càng nhiều, và là nguồn thu chính cho ngân sách thành phố (trên 46%).

Tổng sản phẩm hàng hóa sản xuất trong nước, trong đó công nghiệp thành phố đã đóng góp phần quan trọng trong

thành phố sản xuất, tuy chất lượng chưa cao, nhưng cũng đã thỏa mãn được một phần các nhu cầu cần thiết của người dân góp sức hạn chế chi tiêu ngoại tệ ngoài sản xuất. Kim ngạch xuất khẩu tăng lên của công nghiệp thành phố đã góp phần cân đối ngoại tệ cho sản xuất.

Thứ sáu: Giá trị sản lượng công nghiệp trong GDP của thành phố liên tục tăng lên, năm sau cao hơn năm trước cả tuyệt đối và tương đối, cơ sở sản xuất phát triển, khả năng thu hút lao động và ngành công nghiệp ngày càng tăng lên giải quyết được việc làm cho lao động thành phố và các tỉnh với số lượng khá lớn (516.536 người năm 1999), nhất là các ngành dệt, may, công nghiệp, thực phẩm... Trong điều kiện cả thị trường trong nước và thị trường thế giới có nhiều biến động, khủng hoảng kinh tế châu Á khá nghiêm trọng, công nghiệp thành phố vẫn đứng vững và tiếp tục phát triển với mức tăng trưởng khá cao; cơ cấu tổ chức sản xuất cơ chế kinh tế đã có bước biến đổi mới đáng kể, công nghiệp TP.HCM về cơ bản đã hướng về sản

Thứ hai: Về cơ cấu, sự chuyển đổi cơ cấu diễn ra chậm chạp, gần như không thay đổi qua nhiều năm phát triển.

Công nghiệp nhóm A có tăng lên nhưng tăng lên chậm và chiếm tỷ trọng thấp (khoảng 14% - 16%). Công nghiệp nhóm B vẫn là thế mạnh của thành phố.

Nhóm ngành khai thác chiếm tỷ lệ nhỏ từ 0,2% xuống 0,1%, nhóm ngành công nghiệp phân phối điện nước dao động từ 3,4% đến 3,7%. Nhóm ngành công nghiệp chế biến luôn chiếm tỷ trọng lớn trên 95%: 96,1% (1995), 96,4% (1996), 96,7% (1997) 95,5% (1998) và 96,5 năm 1999.

Các ngành chiếm tỷ trọng lớn và thu hút nhiều lao động qua nhiều năm vẫn là các ngành:

Năm	Công nghiệp chế biến thực phẩm, đồ uống	Công nghiệp hóa chất, phân bón, nhựa cao su, plastic	Dệt, da, may nhuộm
1976	36,5%	19,4%	21,40%
1990	37,9%	13,1%	15,46%
1995	28,9%	12,9%	17,40%
1996	29,2%	13,1%	
1997	22,3%	13,1%	29,2%
1998	20,0%	13,5%	27,1%
1999	21,0	23,9%	26,5

(Trong đó ngành hóa chất tẩy rửa và ngành nhựa là ngành phát triển nhanh và có tỷ trọng lớn trong nhóm ngành này).

- Ngành cơ khí: 9,42% (1997); 9,85% (1998) và 9,6 (1999).

Các ngành còn lại mỗi ngành chiếm không quá 5% tỷ trọng của ngành công nghiệp. Điều đó chứng tỏ công nghiệp TP.HCM phát triển rất mạnh mẽ, phân tán, các ngành công nghiệp phát triển nhanh và chiếm tỷ trọng lớn vẫn là các ngành gia công, chế biến, sản xuất hàng hóa tiêu dùng thông thường.

Công nghiệp dệt, may, da giày, vali, túi xách, công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, cơ khí có xu hướng tăng lên, song công nghiệp thực phẩm, đồ uống, chiếm tỷ trọng lớn nhưng mức tăng trưởng có xu hướng giảm.

Công nghiệp điện tử, tin học, sản xuất, radio, tivi và các loại thiết bị truyền thông tuy tăng trưởng nhanh so với các ngành khác nhưng mức tăng trưởng năm sau so với năm trước cũng đã giảm xuống và chiếm tỷ trọng nhỏ trong giá trị sản lượng ngành công nghiệp.

Công nghiệp điện là một trong những ngành đạt tốc độ tăng trưởng cao, nhờ đường dây 500kv đi vào hoạt động cung cấp cho thành phố một lượng điện đáng kể. Sản lượng điện năm 1999 gấp 1,88 lần năm 1995. Đây là điều kiện thuận lợi cho công nghiệp

thành phố. Tình trạng thiếu điện đã giảm xuống, nhưng hệ thống chuyển tải điện còn khá lạc hậu.

Động thái chuyển dịch cơ cấu công nghiệp dẫn sang các ngành có hàm lượng khoa học cao diễn ra chậm chạp và thể hiện không rõ. Dự kiến kế hoạch 1996-2000, công nghiệp thực phẩm đồ uống giảm xuống về tỷ trọng trong cơ cấu nhưng vẫn còn cao (22-24%), trong khi ngành kỹ thuật cao như chế tạo máy móc, sản xuất radio, tivi, thiết bị truyền thông... tỷ trọng vẫn nhỏ bé (1,5-2,5%).

Các ngành công nghiệp mũi nhọn đã được định hướng lựa chọn (công nghiệp cơ khí, công nghiệp điện tử tin học, công nghiệp vật liệu xây dựng và công nghệ sinh học), nhưng chưa được ưu tiên phát triển và chưa có giải pháp hữu hiệu nên chưa trở thành hiện thực, vai trò mũi nhọn còn mờ nhạt. Các ngành công nghiệp cơ bản chiếm tỷ trọng quá nhỏ.

Các ngành công nghiệp có tỷ trọng lớn vẫn là những ngành thâm dụng lao động và sử dụng nhiều nguyên liệu. Các ngành thâm dụng kỹ thuật cao vẫn chưa phát triển vì chưa có chính sách hấp dẫn để thu hút tư bản nước ngoài và tư bản trong nước đầu tư.

Thứ ba: Cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp theo thành phần kinh tế có sự chuyển dịch theo xu hướng tỷ trọng công nghiệp nhà nước giảm xuống, tỷ trọng công nghiệp của thành phần kinh tế tư bản tư nhân và đầu tư nước ngoài tăng lên.

Trong khu vực công nghiệp nhà nước, công nghiệp trung ương và thành phố tiếp tục được củng cố, có xu hướng phát triển, giữ được vai trò chủ đạo. Tuy nhiên tỷ trọng của khu vực này còn cao 58,3% (1995); 55,06% (1996); 51,63% (1997); 50,28% (1998) và 45,9% năm 1999; việc cổ phần hóa diễn ra chậm chạp.

Công nghiệp quận, huyện có xu hướng giảm xuống rõ hơn, một số doanh nghiệp thuộc khu vực này làm ăn bẽ bối, thua lỗ nặng (Talimex Tân Bình, Epeco quận 3).

Khu vực ngoài quốc doanh sau thời kỳ bùng nổ phát triển mạnh những năm 1990-1995, thời kỳ 1996-2000 có xu hướng giảm xuống 25,89% (1995); 23,2% (1996); 25,0% (1997), 24,6% (1998) và 24,55 năm 1999.

Riêng khu vực có vốn đầu tư nước ngoài có xu hướng tăng lên 15,81% (1995), 19,0% (1996), 23,1% (1997), 29,1% (1998) và 29,6% năm 1999, nhưng lĩnh vực đầu tư chủ yếu vẫn là sản xuất hàng hóa tiêu dùng, đầu tư vào lĩnh vực sản xuất tư liệu sản xuất ít, đầu tư vào công nghiệp chế biến chiếm từ 99,1% đến 99,7%.

Thứ tư: Về xu hướng công nghệ, máy móc thiết bị đang sử dụng trên địa bàn TP.HCM hầu hết lạc hậu từ 2 đến 4

thế hệ so với trình độ chung của thế giới (trừ một số dây chuyền thiết bị hiện đại mới được đầu tư, những năm gần đây). Mức độ lạc hậu khác nhau giữa các ngành và ngay trong một ngành giữa các doanh nghiệp. Tuổi trung bình của thiết bị cao từ 30 đến 40 năm, nhất là ngành cơ khí. Do công nghệ lạc hậu nên năng suất thấp và giá cả cao, chất lượng sản phẩm chưa cao và không có sức cạnh tranh trên thị trường (Theo đánh giá của Sở công nghiệp thì công nghệ của doanh nghiệp ngoài quốc doanh, công nghệ lạc hậu là 30%, công nghệ dưới mức trung bình là 52% và tiên tiến là 17%) khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tương đối hiện đại hơn, kể đến là các doanh nghiệp nhà nước.

Thứ năm: Về xu hướng đầu tư phát triển công nghiệp.

Vốn đầu tư cho công nghiệp có xu hướng giảm: 44,22% vốn đầu tư cho công nghiệp trong tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản vào năm 1996 thì năm 1999 chỉ còn 30%. Bình quân 4 năm 1996-1999 vốn đầu tư công nghiệp giảm 7%, vốn đầu tư ngoài công nghiệp tăng 31,6%.

Trong tổng vốn cho hoạt động công nghiệp qua các năm thì vốn sở hữu không vượt quá 52%, vốn chiếm dụng 24%-25% và vốn vay cũng khoảng 24%-25% nên các xí nghiệp luôn bị động với thị trường vì không có điều kiện dự trữ nguyên liệu và đổi mới công nghệ.

Thứ sáu: Về nguyên liệu phục vụ cho công nghiệp, có đến trên 80% nguyên liệu là phải nhập ngoại. Đây là đặc điểm khá nổi bật của công nghiệp TP.HCM do lịch sử để lại, vẫn chưa khắc phục được. Theo số liệu thống kê năm 1999 kim ngạch nhập khẩu nguyên liệu chiếm 2 tỉ USD (các năm trước cao hơn), chiếm 73,8% kim ngạch nhập khẩu ở thành phố. Riêng ngành nhựa mỗi năm nhập 250 triệu USD nguyên liệu, mặc dù nhà nước rất khuyến khích sản xuất bằng nguyên liệu trong nước.

Thứ bảy: Lao động trong công nghiệp trên địa bàn thành phố tăng lên về số lượng (năm 1996 - 1999 bình quân tăng 10,2%) nhưng chất lượng lao động thay đổi rất chậm. Công nhân bậc cao chiếm tỷ lệ quá nhỏ. Lao động có trình độ cao đẳng, đại học thấp. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài do ưu thế tiền lương, đang có sức thu hút lao động trình độ cao. Khu vực ngoài quốc doanh có nguy cơ chảy máu chất xám do tiền lương thấp.

Thứ tám: Về thị trường tiêu thụ hàng hóa.

Thị trường trong nước vẫn là nơi tiêu thụ hàng hóa chủ yếu của công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh. Công nghiệp thành phố đã đáp ứng phần lớn nhu cầu tiêu dùng và một phần nhu cầu

sản xuất của thành phố và vùng. Nhưng hàng ngoại nhập tràn lan đã lấn át và cạnh tranh không mấy khó khăn với hàng công nghiệp của thành phố. Một số sản phẩm công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh đã không có thị trường tiêu thụ hoặc khó khăn trong việc tìm kiếm thị trường.

Thị trường ngoài nước: Sản phẩm nông sản thực phẩm chủ yếu xuất sang các nước Đông Bắc Á như: Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan. Công nghiệp hàng tiêu dùng (chủ yếu là hàng may mặc, giày dép) xuất sang khối EU và Canada. Do các nước châu Á kinh tế gặp khó khăn nên việc xuất khẩu công nghiệp thành phố sang các nước này có xu hướng giảm. Xuất khẩu sang các nước châu Âu hiện nay và Mỹ trong tương lai, vấn đề chất lượng sản phẩm đang là vấn đề đáng lo ngại.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế công nghiệp không thể không tính tới thị trường, nhân tố quan trọng ảnh hưởng tới chuyển dịch, nhất là sản xuất hướng về xuất khẩu, thì thị trường ngoài nước có ý nghĩa sống còn và đang là thách thức lớn của công nghiệp TP.HCM.

Thứ chín: Về phân bố công nghiệp và môi trường do lịch sử để lại, hầu hết các doanh nghiệp công nghiệp vẫn tập trung trong khu vực nội thành và kề cận nội thành là chủ yếu. Việc tái bố trí và di dời các xí nghiệp công nghiệp gây ô nhiễm môi trường ra ngoại thành và nông thôn thành phố chưa thực hiện được bao nhiêu.

Nhiều xí nghiệp thải nước bẩn, khói bụi, gây tiếng ồn và khí độc hại, ngay trong khu vực dân cư. Các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của tư nhân phát triển một cách tự phát, thiếu quy hoạch. Ô nhiễm môi trường do công nghiệp gây ra cho thành phố Hồ Chí Minh đang ở mức báo động.

Công nghiệp TP. HCM thiếu một chiến lược tổng thể trong bố trí, quy hoạch trên địa bàn thành phố và vùng lân cận, cả trước mắt và lâu dài, nên khả năng liên kết và hợp tác kinh tế kém.

2. Nguyên nhân của những tồn tại:

Thứ nhất: Thiếu một định hướng chung và quy hoạch đầu tư thống nhất của nhà nước. Trong quá trình cải cách đổi mới, nhà nước từng bước nới lỏng, đi đến xóa bỏ sự kiểm soát bằng kế hoạch pháp lệnh đối với các xí nghiệp quốc doanh đi đôi với xóa dần bao cấp, khuyến khích phát triển khu vực tư nhân và đầu tư trực tiếp nước ngoài. Song bên cạnh các biện pháp đúng đắn này, nhà nước đã bỏ trống một lĩnh vực quan trọng là không có kế hoạch định hướng phát triển nhằm đạt được hiệu quả tổng hợp cao hơn và hướng tới lợi ích lâu dài của đất nước. Với lợi nhuận trước mắt, hầu hết các doanh nghiệp cả quốc doanh và ngoài quốc doanh đều

phát triển kinh doanh mang tính tự phát, manh mún, chông chéo, bất hợp lý, thành phố chưa phát huy được vai trò là một trung tâm công nghiệp, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa cho bản thân thành phố và khu vực.

Thứ hai: Thiếu một hệ thống cơ chế chính sách khuyến khích phát triển sản xuất công nghiệp, các định chế yểm trợ, đặc biệt là định chế về tài chính, tiền tệ ... Do chính sách xuất nhập khẩu, chính sách bảo hộ hàng trong nước chưa rõ ràng, đầy đủ, nên hàng ngoại nhập vào nước ta tràn lan với giá rẻ đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc tiêu thụ hàng hóa của công nghiệp thành phố gây khó khăn cho chuyển dịch.

Thiếu các định chế huy động nguồn vốn từ các thành phần kinh tế nên tình trạng thiếu vốn trở thành phổ biến, và căn bệnh kinh niên của các doanh nghiệp. Thuế và lãi suất tiết kiệm đã không khuyến khích người có tiền bỏ vốn vào sản xuất công nghiệp, mà đưa vốn vào lĩnh vực ngoài công nghiệp có lợi tức cao hơn.

Thứ ba: Việc chỉ đạo và quản lý còn quá nhiều đầu mối không tập trung thống nhất, sự phối hợp giữa các ngành và địa phương chưa chặt chẽ, dẫn đến cạnh tranh, chen ép nhau trên thị trường hoặc đầu tư phân tán không hỗ trợ để tạo nên những sản phẩm chất lượng cao. Đối với khu vực có vốn đầu tư nước ngoài và liên doanh thiếu sự quản lý đồng bộ thống nhất, chưa tạo được sự hấp dẫn cao đối với các nhà tư bản nước ngoài, chưa tạo được cơ chế, môi trường thuận lợi cho đầu tư, đầu tư chưa có tác động mạnh đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành trong công nghiệp.

Thứ tư: Các ngành công nghiệp mũi nhọn chậm được xác định và khi đã xác định lại không có chính sách và giải pháp ưu tiên đầu tư để phát huy vai trò mũi nhọn. Việc phân bổ quy hoạch phải kế thừa lịch sử để lại, việc phân bổ lại, phát triển mới, và kèm theo là chính sách, giải pháp bảo vệ môi trường đã không được tiến hành đồng bộ, vừa thiếu vốn, thiếu kế hoạch và quy hoạch tổng thể cũng như những biện pháp tổ chức thực hiện.

Thứ năm: Trình độ khoa học kỹ thuật, công nghệ, trình độ tổ chức quản lý công nghiệp chậm được đổi mới, cơ chế cũ chưa được xóa bỏ hoàn toàn, cán bộ và công nhân ngành công nghiệp, một bộ phận chưa thích ứng được với cơ chế thị trường, cũng tạo sức cản lớn đối với quá trình chuyển dịch, đổi mới.

Thứ sáu: Sức ép về giải quyết việc làm và thực hiện chính sách xã hội cũng không cho phép chuyển dịch mạnh mẽ sang các ngành kỹ thuật cao. Ngoài các nguyên nhân chủ quan trên có nguyên nhân khách quan do tình hình thế giới có nhiều biến động: hệ

thống XHCN tan vỡ, châu Á lâm vào tình trạng khủng hoảng kinh tế ... làm cho thị trường công nghiệp TP.HCM ở nước ngoài bị thu hẹp đáng kể, cộng với thiên tai, lũ lụt ở trong nước, sức mua của người dân giảm xuống, tiền lương và thu nhập thấp, thị trường trong nước lại bị cạnh tranh quyết liệt do hàng ngoại nhập tràn lan... Công nghiệp thành phố không thể phát triển và chuyển dịch khi không có thị trường hoặc thiếu thị trường cả ở đầu vào và đầu ra; chưa tự chủ được trong việc tạo nguồn nguyên liệu, đổi mới công nghệ, quản lý vĩ mô, liên kết kinh tế và làm chủ thị trường.

3. Những vấn đề đặt ra cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành trong công nghiệp ở TP HCM thời gian tới.

Qua phân tích thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành trong công nghiệp thời gian qua ở TP.HCM, đã thấy bộc lộ những vấn đề đặt ra khá nan giải mà trong quá trình chuyển dịch, TP.HCM không thể không giải quyết. Quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành trong công nghiệp ở TP. Hồ Chí Minh diễn ra nhanh chóng hay chậm chạp, thành công hay thất bại, tùy thuộc rất nhiều ở những quyết sách có tính chất chiến lược để giải quyết những vấn đề đặt ra, đó chính là giải quyết những mâu thuẫn được khái quát sau đây:

Thứ nhất: Mâu thuẫn giữa yêu cầu phải chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành công nghiệp dần sang các ngành kỹ thuật cao, thâm dụng kỹ thuật và vốn với yêu cầu vẫn phải tiếp tục phát triển các ngành công nghiệp kỹ thuật trung bình, thâm dụng lao động và nguyên liệu để giải quyết việc làm và giải quyết các vấn đề kinh tế xã hội khác của thành phố và vùng.

Thứ hai: Mâu thuẫn giữa yêu cầu cần đổi mới nhanh, đi nhanh vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa, với thực trạng một nền kỹ thuật và công nghệ đang rất lạc hậu, thiếu đồng bộ, phụ thuộc nước ngoài nhiều và đang đổi mới với tốc độ rất chậm. Quá trình đổi mới, hiện đại hóa công nghệ không đơn giản và dễ dàng, nhất là trong hoàn cảnh nước ta nói chung và TP.Hồ Chí Minh nói riêng, bởi nó đòi hỏi hàng loạt yếu tố đi kèm như nguồn vốn, nguồn nhân lực, khả năng làm chủ công nghệ hiện đại, cơ sở vật chất, kỹ thuật...mặt khác còn phải tính tới hiệu quả kinh tế-xã hội và những hậu quả của việc sử dụng công nghệ hiện đại nữa.

Thứ ba: Mâu thuẫn giữa yêu cầu phát triển có kế hoạch theo qui hoạch thống nhất trên địa bàn thành phố và trong chính thể vùng với tình trạng thành phố đang phát triển rất lộn xộn, không có quy hoạch hoặc thiếu quy hoạch đồng bộ, cơ sở hạ tầng đang xuống cấp nhanh, đã trở nên yếu kém,

quá tải, gây cản ngại không nhỏ cho quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của thành phố. Tình trạng thiếu điện, nước cho sản xuất và tiêu dùng chưa chấm dứt, tình trạng ùn tắc giao thông ngày càng tăng, các cơ sở công nghiệp tiếp tục phát triển không theo quy hoạch, gây ô nhiễm môi trường ngày càng nghiêm trọng, hạ tầng xã hội không đáp ứng được yêu cầu của sản xuất và đời sống... chính là những bất lợi thể cho quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành trong công nghiệp ở TP.HCM.

Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế tiểu vùng công nghiệp, tái phân bố công nghiệp, di dời các cơ sở công nghiệp gây ô nhiễm môi trường ra xa thành phố tiến hành rất chậm vì gặp nhiều khó khăn như thiếu vốn, thiếu quy hoạch tổng thể, thiếu mặt bằng... việc chuyển dịch có thể làm mất đi vành đai xanh của thành phố, biến một số vùng nông thôn thành phố thành đô thị công nghiệp một cách gượng ép, nếu không được chuẩn bị đầy đủ các điều kiện khác sẽ làm cho một bộ phận nông dân mất ruộng đất trở thành thất nghiệp...

Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành, phát triển những ngành công nghiệp thâm dụng kỹ thuật, năng lượng, nguyên liệu (luyện kim, cơ khí, hóa chất, chế tạo ô tô...) sẽ tăng thêm lượng khí thải gây ô nhiễm môi trường cho thành phố cũng là một vấn đề lớn, thành phố phải tìm cách giải quyết ngay từ bây giờ.

Thứ tư. Mâu thuẫn giữa yêu cầu phải chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành công nghiệp theo hướng phát triển các ngành kỹ thuật cao, hiện đại hóa ngành công nghiệp với trình độ còn hạn chế của cán bộ, công nhân trong ngành cả về quản lý, kinh doanh và chuyên môn, kỹ thuật. Để trở thành trung tâm công nghiệp, thành phố cũng đồng thời phải là trung tâm tài chính, trung tâm khoa học - kỹ thuật - công nghệ của vùng và cả nước. Ngành công nghiệp phải là ngành nhạy cảm, có khả năng nắm bắt nhanh các thành tựu khoa học, kỹ thuật, công nghệ mới, làm chủ được công nghệ hiện đại, khả năng ứng dụng rộng rãi, nhanh chóng các thành tựu công nghệ mới và sản xuất và quản lý, kinh doanh... nhưng trình độ chung của cán bộ quản lý và công nhân ngành công nghiệp hiện nay còn thấp hơn nhiều so với lĩnh vực dịch vụ, thương mại và so với yêu cầu đặt ra nhất là trong khu vực công nghiệp ngoài quốc doanh.

Các khu công nghiệp tập trung, khu chế xuất, các ngành công nghiệp cao xuất hiện chưa nhiều, thành phố đã tỏ ra không đáp ứng được yêu cầu cung ứng lao động có trình độ cao về kỹ thuật và quản lý, mặc dù số lượng lao động thất nghiệp có nhu cầu tìm việc

làm đang rất lớn.

Thứ năm: Mâu thuẫn trong cơ chế quản lý.

Công nghiệp TP.HCM là bộ phận hữu cơ trong cơ cấu kinh tế của thành phố, của vùng Nam bộ và ngành công nghiệp của nước. Chỉ trên cơ sở xác định sự vận động của các bộ phận trong một chỉnh thể thống nhất theo quy hoạch tổng thể, có phân công giữa thành phố và vùng, thực hiện liên kết kinh tế, hợp tác và cạnh tranh TP. Hồ Chí Minh mới có thể thực hiện tốt chuyển dịch cơ cấu kinh tế nói chung và chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp nói riêng. Nhưng hiện nay vẫn tồn tại cơ chế quản lý kinh tế theo địa giới hành chính, chia cắt, khép kín giữa thành phố và các tỉnh theo kiểu "mạnh ai nấy làm", còn sự điều hành chung của nhà nước lại kém hiệu lực và thiếu "đi trước một bước" trong lãnh đạo, quản lý.

Ngay trên địa bàn TP.HCM và trong ngành công nghiệp thì sự quản lý theo ngành của trung ương và quản lý hành chính của địa phương cùng thiếu thống nhất, vừa nhiều tầng lớp, chồng chéo, vừa lăm thủ tục phiền hà, thiếu sự kết hợp đồng bộ của công nghiệp địa phương với công nghiệp trung ương, không tạo được đầu mối quản lý thống nhất. Điều này đã gây khó khăn lớn cho chuyển dịch công nghiệp nhất là cho đầu tư nước ngoài. Để chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp cần có khối lượng vốn lớn và những định chế tài chính, tiền tệ, cần thiết hỗ trợ. Nhưng hiện nay tình trạng thiếu vốn trên diện rộng đã trở thành phổ biến trong các doanh nghiệp dẫn đến tình trạng chiếm dụng vốn, nợ ngân hàng không trả được... các doanh nghiệp kinh doanh bằng vốn vay là chủ yếu. Chúng ta vẫn chưa có giải pháp hữu hiệu để huy động vốn nhân rộng trong dân. Thiếu thị trường tài chính, tiền tệ, còn thị trường hàng hóa có xu hướng ngưng trệ... càng khiến cho các doanh nghiệp khó khăn hơn trong việc tìm kiếm vốn cho mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ... Năng suất lao động thấp, hiệu quả sử dụng vốn thấp cũng góp phần làm gay gắt thêm mâu thuẫn giữa yêu cầu chuyển dịch và vốn cho chuyển dịch.

Thứ sáu: Thị trường là một trong những mâu thuẫn chủ yếu của chuyển dịch cơ cấu công nghiệp TP.HCM.

Ở thị trường đầu vào: Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh vẫn chưa tạo được nguồn nguyên liệu tại chỗ, 80% nguyên liệu vẫn nhập từ nước ngoài. Nhiều máy móc, thiết bị, vật tư, phụ thuộc nước ngoài. Tài nguyên khoáng sản ở TP.HCM rất ít ỏi. Thị trường lao động chưa hình thành, thiếu lao động kỹ thuật cao và thiếu những chính sách hấp dẫn thu hút nhân tài, nhất là khu vực quốc doanh (tiền lương thấp đã làm chảy máu chất xám trong khu vực này).

Đất đai, mặt bằng cho mở rộng sản xuất và di dời ngày trở nên khó khăn và đắt giá. Thị trường tài chính, tiền tệ, thông tin, công nghệ... chưa hỗ trợ mạnh cho công nghiệp.

Ở thị trường đầu ra: Thị trường trong nước sức mua yếu và giảm sút mạnh, hàng nhập ngoại tràn lan, giá rẻ, trở thành đối thủ cạnh tranh quyết liệt với hàng công nghiệp sản xuất trong nước giá thành cao do năng suất thấp và thuế nhiều mặt hàng chưa hợp lý, chất lượng hàng hóa kém... Thị trường ngoài nước: các nước châu Á bị khủng hoảng kinh tế, giảm nhập khẩu hàng Việt Nam, các nước châu Âu đòi hỏi hàng hóa chất lượng cao, các nước ASEAN chung loại hàng hóa gần như đồng loại với nước ta và trong tương lai không xa, năm 2003 APTA được thực hiện trong khu vực này... sẽ đặt TP.HCM và ngành công nghiệp ở thành phố trước những thử thách gay gắt.

Tóm lại: Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành công nghiệp ở TP.HCM thời gian qua đã diễn ra khá đồng bộ và toàn diện cả chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành, chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế, chuyển dịch cơ cấu tổ chức sản xuất, chuyển dịch cơ cấu đầu tư và công nghệ... Tuy nhiên tốc độ chuyển đổi ra khá chậm chạp, động thái chuyển dịch chưa thể hiện xu hướng tích cực, đặc biệt sự chuyển dịch từ những ngành kỹ thuật thấp, công nghệ lạc hậu, sử dụng nhiều lao động chân tay sang các ngành kỹ thuật cao, công nghệ tiên tiến, sử dụng nhiều lao động chất xám còn rất mờ nhạt... nhưng cũng đã bộc lộ nhiều mâu thuẫn. Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành công nghiệp ở TP.HCM cũng chính là quá trình giải quyết các mâu thuẫn trên đây nhằm đạt được những mục tiêu đã xác định. Trong quá trình chuyển dịch, những mâu thuẫn này sẽ phải được giải quyết dần. Việc giải quyết những mâu thuẫn này trở thành một trong những thước đo tính hiệu quả của quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành trong công nghiệp trên địa bàn TP.HCM ■

Tài liệu tham khảo chính

Cục Thống kê TP.HCM: *Niên giám Thống kê năm 1992, năm 1998, năm 1999.*

Thành phố Hồ Chí Minh con số và sự kiện. Tp HCM 1/1998.

Thực trạng doanh nghiệp nhà nước tại thành phố Hồ Chí Minh. Lưu hành nội bộ tháng 8/1996.

Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh năm 1997.

Công nghiệp TP.HCM năm 1998. Tăng trưởng và hiệu quả kinh tế (Tháng 5/1999).

Hiện trạng các công ty và doanh nghiệp tư nhân tại thành phố Hồ Chí Minh năm 1996. Số liệu công nghiệp TP.HCM 1976 - 1996.